|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN VĨNH BẢO**TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Vĩnh Bảo, ngày 01 tháng 8 năm 2023* |

**CHỈ ĐẠO CHUYÊN MÔN**

**Năm học 2023 - 2024**

 **(Có thể điều chỉnh khi có chỉ đạo của cấp trên;**

**Để kịp thời triển khai các chỉ đạo đột xuất của cấp trên, BGH chỉ đạo trên Edu và Zalo của HĐ trường)**

 **CĂN CỨ CHỈ ĐẠO**

- Chương trình GDPT ban hành kèm theo QĐ số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2006 - Lớp 9);

- Chương trình GDPT ban hành kèm theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018 - Lớp 6,7,8);

- Thông tư 26/2020/TT- BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành TT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá xếp loại học sinh THCS và THPT ban hành kèm theo TT 58/2011/TT- BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (TT 26- áp dụng cho lớp 9);

- Thông tư 22/2021/TT- BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh THCS, THPT (TT 22-áp dụng cho lớp 6,7,8);

- Công văn / BGDĐT-GDTrH ngày /2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT vv triển khai thực hiện chương trình GDTrH năm học 2023-2024;

- Quyết định /QĐ-UBND thành phố ngày / /2023 vv ban hành KH thời gian năm học 2023-2024;

- Công văn /SGDĐT-GDTrH ngày /2023 của Sở GD&ĐT vv triển khai thực hiện chương trình GDTrH năm học 2023-2024;

- Công văn /PGDĐT ngày /2023 của Phòng GD&ĐT vv triển khai thực hiện chương trình GDTrH năm học 2023-2024;

- Công văn /SGDĐT-GDTrH ngày /2023 của Sở GD&ĐT vv triển khai thực hiện chương trình GDTrH năm học 2023-2024;

- Công văn 2858/SGDĐT-GDTrH ngày 13/9/2023 v/v triển khai sử dụng phần mềm quản lí hồ sơ trên cổng thông tin điện tử;

- Công văn /PGDĐT ngày /2023 của Phòng GD&ĐT Vĩnh Bảo v/v hướng dẫn thực hiện chương trình THCS năm học 2023-2024;

- Công văn /PGDĐT ngày /2023 của Phòng GD&ĐT Vĩnh Bảo v/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

- Nghị quyết Hội nghị Cán bộ, viên chức và người lao động ngày /2023 và thực tế nhà trường năm học 2023-2024,

 **I. XÂY DỰNG KHUNG CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG, KẾ HOẠCH BÀI DẠY/GIÁO ÁN**

 **1. Yêu cầu chung**

- Không tùy tiện cắt xén chương trình, đảm bảo đủ 35 tuần thực học (HKI 18 tuần; HKII 17 tuần);

 - Đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng theo chương trình;

 - Góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS bằng việc tăng cường đưa nội dung giáo dục gắn liền với đời sống thực tiễn, xây dựng các chủ đề đơn môn, đa môn, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục STEM,...

 - Đảm bảo tính pháp lí của chương trình đã xây dựng.

 - Tích hợp nội dung giáo dục ATGT vào môn học/HĐGD phù hợp, linh hoạt.

 - Sử dụng linh hoạt, hiệu quả phương tiện, ĐDDH phù hợp với môn/HĐGD/bài/nội dung và đối tượng học sinh.

 **1.1. Đối với Lớp 9:**

 Căn cứ Công văn 4612/ hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất Hs từ năm học 2017-2018 thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình các môn học.

 Sử dụng PPCT và SGK gắn với ***chương trình GDPT 2006 của Bộ GD&ĐT làm gốc*** và Công văn 1824/SGDĐT-TrH ngày 25/8/2021 của Sở GD&ĐT vv triển khai thực hiện chương trình GDTrH năm học 2021-2023; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT; Công văn 3280 ngày 27/8/2020 của Bộ GD&ĐT về điều chỉnh nội dung dạy học; Công văn 471/PGDĐT ngày 16/9/2023 của Phòng GD&ĐT; chỉ đạo của BGH; tham khảo KH của Hội đồng bộ môn và:

**1.1.1** Đối với môn Tiếng Anh: Theo hướng dẫn riêng của bộ môn; *Công văn số 2573/SGDĐT-GDTrH, ngày 07/9/2020 của Sở GD&ĐT; Công văn số 499/PGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020*.

 **1.1.2.** Đối với các môn: TD, Âm nhạc, Mỹ thuật: Tiếp tục thực hiện theo công văn 5842/BGDĐT-VP, ngày 01/9/2011 của Bộ GD&ĐT.

 **1.1.3.** Đối với các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, C.Nghệ, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD thực hiện theo công văn 3280**/**BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/202020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh chương trình dạy học cấp THCS.

 **1.2. Đối với lớp 6,7,8:** Thực hiện Chương trình GDPT ban hành kèm theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018); Thông tư 22/2021/TT- BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh THCS, THPT (TT 22); Công văn 471/PGDĐT ngày 16/9/2023 của Phòng GD&ĐT; chỉ đạo của BGH; tham khảo công văn 5512/BGDDT-GDTrH, ngày 18/12/2020 của Bộ, nội dung xây dựng của HĐ bộ môn;

 Đối với các môn và HĐGD tích hợp: Các giáo viên trong cùng bộ môn/HĐGD thống nhất trên cơ sở phân công chuyên môn và chỉ đạo của BGH để xây dựng cụ thể, phù hợp với thời lượng của từng phân môn, đảm bảo tính liên tục và hệ thống. *Giao các đ/c trưởng bộ môn/HĐGD: Môn KHTN (đ/c Hương), Lịch sử-Địa lý (đ/c N.Thanh), GDĐP (đ/c Duyên), HĐTNHN (đ/c Nga a), Nghệ thuật (đ/c Hương).*

 **2. Thời lượng dư ra** do giảm các tiết kiểm tra định kỳ; các nội dung giảm tải;... Giáo viên có thể linh hoạt đưa các nội sau vào thực hiện:

 - Ôn tập trước khi kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ.

 - Gia tăng thời lượng các tiết có độ khó, dài.

 - Giáo dục địa phương, môi trường.

 - Các chủ đề.

 - Đưa nội dung mới;

 **\*** Đối với lớp 9 tiếp cận chương trình GDPT 2018: Xây dựng kế hoạch, bổ sung kiến thức cần có trong chương trình GDPT 2018, tạo thuận lợi cho học sinh học chương trình lớp 10.

 **II. SINH HOẠT CHUYÊN MÔN (**Lưu biên bản)

 Các tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt 2 lần /tháng, với các nội dung:

 **1.** Nghiên cứu chương trình GDPT 2018.

 **2.** Xây dựng KH giáo dục. Thống nhất nội dung, hình thức.

 **3.** Lựa chọn SGK, sách tham khảo.

 **4.** Triển khai thực hiện KH bài dạy. Thống nhất nội dung theo môn/khối, hình thức theo môn.

 **5.** Rút kinh nghiệm việc xây dựng ma trận, đặc tả bài KTđk, ra đề năm học 2021-2023; xây dựng ma trận, đặc tả bài KTđk, đề kiểm tra đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ năm học 2023-2024. Thống nhất nội dung, hình thức, thời gian KTĐGtx.

 **6.** Xây dựng các Chủ đề:

 **6.1.** Khối 9

 - Chủ đề đơn môn (nếu chưa có trong chương trình thì xây dựng tối thiểu 1 chủ đề/kỳ);

 - Chủ đề liên môn, tích hợp: 01 chủ đề/HK;

 - Chủ đề giáo dục Stem (Các môn KHTN)/Hoạt động trải nghiệm: 1 hoạt động/HK.

 **6.2.** Khối 6,7,8: Theo công văn 5512/BGDDT-GDTrH, ngày 18/12/2020 của Bộ; chương trình GDPT 2018; SGK và tham khảo nội dung xây dựng của HĐ bộ môn.

 **7.** Nghiên cứu bài học: (theo tổ hoặc nhóm). Xây dựng KH; nhóm xây dựng nội dung; phân công người lên lớp; nhận xét, rút kinh nghiệm và triển khai thực hiện.

 **8.** Nâng cao chất lượng các tiết ôn tập - phụ đạo đại trà, ôn thi vào 10; Nâng cao chất lượng bồi dưỡng HSG.

 **9.** Một số nội dung khác theo chỉ đạo cấp trên và căn cứ tình hình thực tế (Có KH kèm theo).

 **III. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ** (**KTĐG).** ***Lưu ý:******Không lấy điểm các bài Khảo sát; không KTĐGđk nội dung chương trình GDPT 2018 được bổ sung vào chương trình các môn học 9; nội dung hướng dẫn hs tự học, tự làm, tự thực hiện, không yêu cầu; những nội dung yêu cầu hs thực hành, thí nghiệm. Phải xây dựng kế hoạch KTĐG (thời gian, hình thức, thời lượng,...)thống nhất trong nhóm/khối*** *.*

 (Khối 9 theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/8/2020 + TT 58/2011/TT- BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GD&ĐT; Khối 6,7,8 theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, Hướng dẫn 542/PGDĐT, ngày 08/9/2021 của Phòng GD&ĐT và hướng dẫn của BGH); *Công văn số 8773/BGDĐT-GDTrH ngày 30/12/2010 về việc hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra*.

Đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật; Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt hoặc Chưa đạt.

Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại trong Chương trình giáo dục phổ thông; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

**Cụ thể:**

 **Điểm trong mỗi học kỳ/1 HS:**

 **1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên** (ĐĐGtx). *Số lần không giới hạn,* chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của nhóm chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học *bằng số điểm quy định trong Thông tư 26/TT/2020/BGDĐT +* TT 58/2011/TT- BGDĐT ngày 12/12/2011*(Lớp 9) hoặc* Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT (Lớp 6,7,8)***.*** *Có ít nhất một điểm KTĐG theo hình thức mới như: Dự án, thực hành thí nghiệm,.... Hình thức KTĐG thực hành, kiểm tra vở, báo cáo kết quả phải có phiếu chấm, cho hs biết trước nội dung-điểm số.*

 *Các môn có 01 điểm* trực tiếp hoặc trực tuyến (nếu học trực tuyến) - *Điểm* Hỏi-đáp (KT miệng-**phải ghi trong sổ ghi đầu bài) và**

 **1.1.** Môn học có từ 35 tiết trở xuống/1 năm học: 01 điểm với các hình thức còn lại (dưới 45 phút). Thời điểm KTĐG: HKI trước tuần 9, HKII trước tuần 26).

 **1.2.** Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/1 năm học: 02 điểm với các hình thức còn lại (dưới 45 phút). Thời điểm KTĐG: HKI trước tuần 8 và trước tuần 16; HKII trước tuần 26 và trước tuần 33.

 **1.3.** Môn học có từ trên 70 tiết/1 năm học: 03 điểm với các hình thức còn lại (dưới 45 phút). Thời điểm KTĐG: HKI trước tuần 6, trước tuần 12 và trước tuần 17; HKII trước tuần 25, trước tuần 31 và trước tuần 33.

 **1.4. Đối với một số môn học, HĐGD lớp 6,7,8:**

 - Với môn KHTN và Lịch sử-Địa lý: Điểm KT hỏi - đáp, các phân môn KTĐG độc lập trong quá trình DH, nếu 1 hs có trên 1 điểm thì lấy điểm phù hợp cho HS.

 Các hình thức còn lại:

 + Môn KHTN: Mỗi phân môn 01 điểm.

 + Môn Lịch sử - Địa lý: Lịch sử 01 điểm, Địa lý 01 điểm, một điểm thống nhất trong nhóm.

 - Đối với các môn học/HĐGD: Giáo dục thể chất; Nghệ thuật; Giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đánh giá bằng nhận xét; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt hoặc Chưa đạt. Trong đó môn Nghệ thuật: (Âm nhạc = 1/2, Mĩ thuật = 1/2); HĐTN,HN: lấy điểm nội dung của GVCN.

 \* Số điểm KTĐGtx tỉ lệ thuận với số tuần thực học. (VD: đến hết tuần 10 phải có ít nhất 1/2 số điểm trong 1 HK).

 *\* Khuyến khích học sinh và giáo viên ôn luyện, kiểm tra trên Chương trình giáo dục trực tuyến* ***(app: onluyen.vn).***

 ***\* Đối với môn Ngoại ngữ: Các hình thức KTĐGtx:*** Viết, báo cáo, vấn đáp, miêu tả tranh, kể chuyện, phỏng vấn, đóng vai, thuyết trình, trình chiếu video,...

 **2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ. BGH chỉ đạo tổ chức. (GV không được tự ý cho HS kiểm tra lại).**

*Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận, đặc tả câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận cần biên soạn theo mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.*

*Đối với kiểm tra, đánh giá bằng bài thực hành, hoặc dự án học tập: yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kĩ năng được sử dụng.*

*Căn cứ vào mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục, mức độ phát triển năng lực của học sinh, nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao; có hướng dẫn cụ thể trước khi tổ chức thực hiện.*

*Nhóm chuyên môn thống nhất ma trận, nội dung ôn tập, đề đề xuất. Đối với các môn có thống nhất ma trận đề của cấp trên thì thực hiện theo chỉ đạo.*

*Giữ bảo mật tất cả các đề KTĐG (trừ các môn/HĐGD hoặc bài KTĐG đặc thù). Nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định.*

 **2.1. Thời gian:**

 - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (tổ chức chung):

 + HKI: Tuần 9, 10.

 + HKII: Tuần 26, 27.

 Các môn có đặc thù về nội dung trong khoảng thời gian trên có thể điều chỉnh thời gian KTĐG hợp lí (không quá 01 tuần so với KH và thống nhất trong nhóm, báo BGH để tổ chức).

 - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (tổ chức chung):

 + HKI: Tuần 17.

 + HKII: Tuần 34.

 ***\* Lưu ý đối với môn KHTN, Lịch sử-Địa lý và Nghệ thuật: Đảm bảo đủ kiến thức các phân môn đến thời điểm KTĐG; chia tỉ lệ theo tỉ lệ thực dạy đến thời điểm KTĐG. Môn Nghệ thuật thực hiện riêng theo từng phân môn, kết quả Đạt khi cả 02 phân môn đều đạt.***

 ***\* Đối với môn Ngoại ngữ:*** Gồm đủ 4 kỹ năng ngôn ngữ là nghe, nói, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ, mỗi phần chiếm tối tiểu 20%. Phần nghe hiểu phải gồm 02 bài nghe thuộc 02 thể loại khác nhau và kiểm tra trước hoặc sau bài kiểm tra 01 tuần, thời lượng không tính vào bài kiểm tra định kỳ; thực hiện bằng nhiều hình thức: hỏi đáp 1-1, đóng vai theo nhóm, thuyết trình, trình chiếu video theo chủ đề giáo viên yêu cầu,.... Giảm tỉ lệ trắc nghiệm, tăng tự luận.

 ***\* Đối với môn Ngữ văn 6,7,8*** thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn 3175/BGDĐT ngày 21/7/2023 của Bộ GD&ĐT, khuyến khích thực hiện với khối 9.

 **2.2. Thời lượng:**

 - Lớp 9:

 + 90 phút đối với môn Văn và môn Toán.

 + 45 phút đối với các môn còn lại.

 - Lớp 6,7,8: Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính)

+ Đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút;

+ Đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học là: Toán, Ngữ văn 90phút; các môn còn lại 60 phút.

 \* Các môn TD; Mỹ thuật, Âm nhạc (Nghệ thuật); C.Nghệ; Tin học; GDĐP; HĐTNHN theo đặc thù bộ môn và hình thức KTĐG.

 *(Trừ trường hợp có hướng dẫn khác)*

 **2.3. Bài kiểm tra:**

 - Gv chấm, chữa lỗi, nhận xét bằng mực đỏ trực tiếp chỗ lỗi bằng mực đỏ.

 - Điểm các bài kiểm tra đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân (sử dụng dấu "**,**") được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn.

 - Bài kiểm tra định kỳ sau khi chấm, trả bài, nhận xét có thể xin chữ ký của cha mẹ Hs thì thu lại lưu tại tủ cá nhân Gv.

 **3. Việc sử dụng sổ điểm và vào điểm**

 *Thực hiện theo Qui chế sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử trên hệ thông CSDL ngành GD&ĐT Hải Phòng, ban hành kèm theo QĐ 1323/QĐ-SGDĐT ngày 22/9/2020 của GĐ sở GD&ĐT (gửi trong gmail ngày 03/10/2020).*

1. **Phân công vào điểm CSDL**

Các đ/c dạy các phân môn phải có danh sách học sinh và điểm/nhận xét theo phân môn mình dạy trong sổ theo dõi và đánh giá học sinh; đồng thời cung cấp điểm/nhận xét cho Gv được phân công vào CSDL đúng tiến độ (GV được phân công vào CSDL phải cập nhật đủ số điểm/nhận xét theo qui định trong sổ theo dõi, đánh giá học sinh và CSDL). Gv được phân công dạy đến kết thúc học kỳ phải có đủ cơ số điểm (cập nhật cả điểm từ Gv dạy thời điểm trước) của môn/HĐGD đó và điểm trong các cột theo quy định.

 Vào điểm sau 1 tuần đối với bài KTĐGtx và sau 10 ngày đối với bài KTĐGđk (trừ môn có quy định riêng).

Vào đúng thứ tự cột điểm trong Sổ theo dõi, đánh giá Hs.

 **4.1. Các môn tích hợp, HĐGD.**

 *-* Môn Nghệ thuật *đ/c Hương -* Khối 6 và 8ABC*; đ/c Phương - Khối 7 và 8DE .*

 - Môn KHTN: Theo phân công từng thời điểm.

 - Môn Lịch sử-Địa lý: Theo phân công từng thời điểm.

 - Trải nghiệm, hướng nghiệp: Giáo viên chủ nhiệm.

 - GDĐP: Theo phân công từng thời điểm.

 **4.2. Các môn học, HĐGD còn lại.** Giáo viên trực tiếp giảng dạy.

 ***Việc sửa điểm (nếu có) phải thực hiện đúng quy chế (****dùng bút mực đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về việc sửa chữa bên cạnh nội dung đã sửa)* ***và lưu lại bằng chứng lý do sửa điểm.***

**4.3. Sau khi trả bài:** Có nội dung rút kinh nghiệm và đề xuất trong giáo án.

**Lưu ý việc xây dựng ma trận, bản đặc tả và đề KTĐGđk:**

**1. Ma trận và bản đặc tả: Theo hướng dẫn của chuyên viên sở và thống nhất của HĐ bộ môn.**

**2. Đề: Thực hiện đúng theo ma trận và bản đặc tả.**

**- Tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận theo qui định của môn/khối. Trường hợp không qui định thì khoảng 50-50.**

**- Số điểm mỗi câu trắc nghiệm hoặc mỗi ý trong câu hỏi tự luận theo qui định của môn/khối. Trường hợp không qui định thì mỗi câu hỏi trắc nghiệm 0,25đ và mỗi ý trả lời trong câu hỏi tự luận là 0,25đ.**

**- Hình thức câu hỏi trắc nghiệm: Linh hoạt, phù hợp với nội dung, ý tưởng người ra đề; chủ yếu ở mức độ nhận biết và hiểu.**

**- Câu hỏi tự luận: Chủ yếu ở mức độ vận dụng; phải có ý liên hệ thực tế.**

**- Câu hỏi tranh luận về mức độ thì xếp vào mức độ cao hơn.**

**- Không ra câu hỏi mà giáo viên còn băn khoăn, chưa thống nhất về nội dung;...**

**- Không ra câu hỏi trong nội dung không học, giảm tải, học sinh tự nghiên cứu/tự đọc.**

 **IV. HỒ SƠ, SỔ SÁCH**

 **1. Hồ sơ điện tử**

 **1.1. Ban giám hiệu:** Kế hoạch giáo dục nhà trường.

 **1.2. Tổ/nhóm chuyên môn:** Kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm chuyên môn, gồm: KH dạy học các môn học; KH tổ chức các hoạt động giáo dục; Phân phối chương trình của nhóm (Nhóm thống nhất xây dựng cho tất cả 4 khối, nhóm trưởng gửi) gửi khi có chỉ đạo của BGH.

 **1.2. Giáo viên:** Kế hoạch giáo dục của giáo viên và KH bài dạy/giáo án.

 - KH giáo dục của Gv gửi lên CSDL trước ngày 01/9/2023 và bản cứng kèm PPCT có đầy đủ chữ ký các thành viên, TTCM và xác nhận của BGH kẹp trong sổ KHGD.

 - Kế hoạch bài dạy/Giáo án phải gửi lên CSDL theo quy định trước ngày dạy 3 đến 20 ngày và phải có khi lên lớp (bản in hoặc bản mềm)**.**

 **2.** **Hồ sơ giấy**

 **2.1. Ban giám hiệu:** Các loại Kế hoạch theo qui định (trên 20 loại).

 **2.2. Tổ chuyên môn:**

 - Sổ ghi chép các nội dung sinh hoạt chuyên môn, các cuộc họp (từ nhóm đến tổ);

 **-** Các văn bản chỉ đạo;

 **-** Hồ sơ đánh giá giáo viên:

 + Kế hoạch kiểm tra toàn diện giáo viên;

 + Kết quả kiểm tra;

 + Tổng hợp số lượng, kết quả kiểm tra theo kỳ.

 **2.3. Giáo viên:**

 - Khung chương trình (đã được thống nhất trong nhóm và phê duyệt của BGH) ghim ở trang đầu KH giảng dạy.

 - Ghi Kế hoạch giảng dạy chậm nhất vào thứ 7 trước tuần dạy.

 **-** Dự giờ và SHCM. Khuyến khích Gv dự giờ để trao đổi chuyên môn, tập trung quan sát hoạt động của Hs và ghi chép các nội dung SH chuyên môn vào sổ ghi chép cá nhân.

 Gợi ý cách ghi nội dung tiết dự (đối với các môn chưa có thống nhất):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| HĐ của HS | Nguyên nhân | Giải pháp | ............... |
| (Mức độ, hiệu quả) |  |  |  |

 **-** Sổ theo dõi và đánh giá HS (Sổ điểm cá nhân) viết tay bằng 01 loại mực bút bi màu xanh. (BGH thống nhất mẫu, Gv tự in và ***lưu thành sổ gốc, phải có xác nhận của BGH ở lần kiểm tra đầu tiên***).

 **-** Sổ kế hoạch giảng dạy.

 **-** Sổ chủ nhiệm (đối với GVCN).

 **-** Lưu văn bản chỉ đạo (trường, tổ).

 - Kế hoạch bài dạy (dạy thêm). Đối với đ/c T.Mai, đ/c Oanh phải viết tay phần nội dung lên lớp, hướng dẫn về nhà,… cả chính khóa và dạy thêm.

 **3. Việc ghi sổ đầu bài:** Thực hiện ngay sau mỗi tiết dạy. Nhận xét, ký sau khi đã hoàn thành phần ghi của HS; ghi đúng thứ tự tiết, bài dạy /chủ đề/hoạt động/..... theo khung chương trình đã phê duyệt và điểm KTĐGtx (hỏi đáp, ...) của HS. Không mang sổ ra khỏi khu vực quy định.

 **Lưu ý:** Không dùng bút xóa trong các loại hồ sơ.

 **V. DẠY HỌC CHỦ ĐỀ**

 **-** Mỗi giáo viên xây dựng và thực hiện ít nhất 01 chủ đề liên môn/năm học và 01 chủ đề tích hợp/môn học mà mình giảng dạy.

 - Tổ Tự nhiên xây dựng và thực hiện ít nhất 01 chủ đề giáo dục STEM/học kỳ; Tổ Xã hội xây dựng và thực hiện ít nhất 01 chủ đề liên môn tích hợp/học kỳ thực hiện vào thời gian chính khóa hoặc SHCM.

 **VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

 **1. Nhóm chuyên môn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NHÓM** | **PHỤ TRÁCH/NHÓM TRƯỞNG** | **GHI CHÚ** |
| **1** | **Toán** | **Đ/c Lãm** |  |
| 1.1 | Toán 9 | Đ/c Mai |  |
| 1.2 | Toán 8 | Đ/c Lãm |  |
| 1.3 | Toán 7 | Đ/c Thảo |  |
| 1.4 | Toán 6 | Đ/c Tuế |  |
| **2** | **Văn** | **Đ/c Thu** |  |
| 2.1 | Văn 9 | Đ/c Thu |  |
| 2.2 | Văn 8 | Đ/c Tình |  |
| 2.3 | Văn 7 | Đ/c Duyên  |  |
| 2.4 | Văn 6 | Đ/c Lanh |  |
| **3** | **Lý, Hóa, Sinh, CN** | **Đ/c Hương** |  |
| 3.1 | Hóa, Sinh | Đ/c Liên |  |
| 3.2 | Công nghệ | Đ/c Nghĩa |  |
| 3.3 | Vật lý | Đ/c Hương |  |
| **4** | **Tin** | **Đ/c Trí Thanh** |  |
| **5** | **Lịch sử-Địa lý** | **Đ/c Nga Thanh** |  |
| 5.1 | Sử | Đ/c Nga Thanh |  |
| 5.2 | Địa | Đ/c Huệ |  |
| **6** | **GDCD** | **Đ/c Thủy** |  |
| **7** | **Tiếng Anh** | **Đ/c Giang** |  |
| **8** | **Giáo dục thể chất** | **Đ/c Bảo** |  |
| **9** | **Nghệ thuật** | **Đ/c Hương** |  |
| **10** | **Trải nghiệm, hướng nghiệp** | **Đ/c Nga a** |  |
| **11** | **Giáo dục địa phương** | **Đ/c Duyên** |  |

**2. Ký duyệt hồ sơ, giáo án**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **QL, GIÁO VIÊN**  | **CHUYÊN MÔN** | **KÝ KH bài dạy/GIÁO ÁN MÔN****(Cả dạy thêm)-GV** | **GHI CHÚ** |
| 1 | **Đ/c Hiền - HT - Thạc sỹ** | ĐHSP Toán-Lý | Định kỳ 100% giáo viên. | Ký kiểm tra đột xuất  |
| 2 | **Đ/c Tuấn - P.HT** | ĐHSP Sinh-TD | Định kỳ 100% giáo viên. | Ký kiểm tra đột xuất  |
| 3 | **Đ/c Lãm - Tổ trưởng** | ĐHSPToán-Kỹ | 1. Toán:đ/c Mai, Phú, Hằng, Vân. 2. Tin:đ/c Thanh.3. Vật lý: Đ/c Hương. | Ký kiểm tra đột xuất một số môn khác. |
| 4 | Đ/c Mai | ĐHSP Toán-Kỹ | Toán: đ/c Lãm, Nhật. |  |
| 5 | Đ/c Tuế | ĐHSP Toán-Kỹ | 1.Toán: đ/c Biển, Thảo 2. C.nghệ: Khối 6 |  |
|  | Đ/c Phú | ĐHSP Toán-Hóa-Sinh | 1. Toán: Đ/c Tuế2. KTTN: Đ/c Hương. |  |
| 6 | **Đ/c Thu- Tổ trưởng** | ĐHSP Văn-Chính trị | 1. Văn: Đ/c Lanh, Hà.2. GDCD: Đ/c Thủy.3. Lịch sử: Đ/c Thanh. | Ký kiểm tra đột xuất một số môn khác. |
| 7 | Đ/c Lanh - Tổ phó | ĐHSP Văn | 1. Văn: Đ/c Thu, Duyên.2. Âm nhạc, Mỹ thuật. | Ký kiểm tra đột xuất một số môn khác. |
| 8 | Đ/c Tình | ĐHSP Văn | 1. Văn: Đ/c Huệ.2. GDĐP: 6. |  |
| 9 | Đ/c Hà | ĐHSP Văn | Văn: Đ/c Tình, Mai, Trường.GDĐP; Duyên. |  |
| 10 | Đ/c Duyên | ĐHSP Văn-Địa | 1. Văn: Đ/c Mai2. GDĐP: 6,7. |  |
| 11 | Đ/c Thủy | ĐHSP Chính trị-Địa | Giáo dục Công dân 6,7,8; Lịch sử-Địa lí 7. |  |
| 12 | Đ/c Nga Thanh | ĐHSP Địa-Sử | Lịch sử khối 8, Địa 9Lịch sử-Địa lí 6. |  |
| 13 | Đ/c Huệ | ĐHSP Văn-Địa | Địa lý khối 8 |  |
| 14 | Đ/c Hương | ĐHSP Lý-Kỹ | 1. Vật lý2. Hóa, Sinh-đ/c Liên3. C.nghệ: 94. KHTN: 7 | Ký kiểm tra đột xuất một số môn khác. |
| 15 | Đ/c Liên | ĐHSP Hóa-Sinh | 1. Hóa, Sinh.2. KHTN: 6. |  |
| 16 | Đ/c Nghĩa | ĐHSP Kỹ thuật | Công nghệ 7,8. |  |
| 17 | Đ/c Trí Thanh | ĐH Tin | Tin học |  |
| 18 | Đ/c Bảo | ĐH TD | Giáo dục thể chất: 7,8 |  |
| 19 | Đ/c Hưng | ĐHSP Sinh-TD-KTNN | Giáo dục thể chất: 6,9 |  |
| 20 | Đ/c Giang | ĐHSP Ngoại ngữ | T.Anh: Đ/c Nga, Quý. |  |
| 21 | Đ/c Nga b | ĐHSP Ngoại ngữ | T.Anh: Đ/c Giang, Nguyệt. |  |
| 22 | Đ/c Nga a | ĐHSP Văn-Địa | Trải nghiệm, hướng nghiệp 6,7. |  |

**3. Phụ trách phòng học, phòng chức năng, dạy HSG/HSY**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **PHÒNG/LỚP** | **GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH** | **HỌC**  |
| 1 | 9A | Đ/c Nhật | HSG Toán 9; Văn, Anh yếu  |
| 2 | 9B | Đ/c Đ.Mai | HSG Sử 9; Toán, Văn, Anh yếu |
| 3 | 9C | Đ/c Lanh | HSG Ngữ văn 9; Toán, Văn, Anh yếu |
| 4 | 9D | Đ/c Thu | HSG Sinh 9; Toán, Văn, Anh yếu |
| 5 | 8A | Đ/c Lãm | HSG Toán-T.Anh 8 |
| 6 | 8B | Đ/c Hà | HSG HSG Ngữ văn 8 |
| 7 | 8C | Đ/c Phú | HSG Anh 9  |
| 8 | 8D | Đ/c Vân | HSG AMC, Violympic,... |
| 9 | 8E | Đ/c Trường | HSG Anh 8 |
| 10 | 7A | Đ/c Hằng | HSG Công nghệ 9 |
| 11 | 7B | Đ/c T.Mai | HSG GDCD 9 |
| 12 | 7C | Đ/c Thảo | HSG Toán 7 |
| 13 | 7D | Đ/c Duyên | HSG HSG Ngữ văn 7 |
| 14 | 7E | Đ/c Quý | HSG Anh 7 |
| 15 | 6A | Đ/c Tuế | HSG Toán 6 |
| 16 | 6B | Đ/c Huệ | HSG Địa 9 |
| 17 | 6C | Đ/c Oanh | HSG Anh 6 |
| 18 | 6D | Đ/c Biển | HSG KHTN |
| 19 | 6E | Đ/c Tình | HSG Ngữ văn 6 |
| 20 | Nhạc | Đ/c Phương | HSG Nhạc |
| 21 | Tin học 1 | Đ/c Trí Thanh | HSG Tin học |
| 22 | TH Hóa | Đ/c Liên | HSG Hóa |
| 23 | TH Sinh | Đ/c Hưng | HSG Sinh 9 |
| 24 | TH Lý | Đ/c Hương | HSG Vật Lý |
| 25 | Tin học 2 | Đ/c Hòa |  |
| 26 | Thư viện | Đ/c Oanh | HSG Mỹ thuật |
|  Vào từng thời điểm cụ thể, giáo viên có thể bố trí phòng học hợp lý. Đề nghị toàn thể Hội đồng có trách nhiệm chung với tài sản của từng lớp, của trường: Không tự ý di chuyển tài sản trong phòng; giữ vệ sinh chung; không viết, vẽ bậy,... và phải kiểm tra vệ sinh, tắt điện, đóng cửa trước khi về. |

 **HIỆU TRƯỞNG**

**3. Phụ trách phòng học, phòng chức năng, bồi dưỡng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **PHÒNG/****LỚP** | **GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH** | **HỌC CHIỀU THỨ 3,5,7** | **HỌC CHIỀU THỨ 2,4,6** |
| 1 | 9A | Đ/c Nhật | HSG Toán 9 | Toán, Văn, Anh |
| 2 | 9B | Đ/c Đ.Mai | Toán, Văn, Anh yếu | Toán, Văn, Anh |
| 3 | 9C | Đ/c Lanh | HSG Ngữ văn 9 | Toán, Văn, Anh |
| 4 | 9D | Đ/c Thu | Toán, Văn, Anh yếu | Toán, Văn, Anh |
| 5 | 8A | Đ/c Lãm | HSG Anh 8 | Toán, Văn, Anh |
| 6 | 8B | Đ/c Hà | HSG Ngữ văn 8 | Toán, Văn, Anh |
| 7 | 8C | Đ/c Phú | HSG Toán 8 | Toán, Văn, Anh |
| 8 | 8D | Đ/c Vân | Violympic Toán 7 | Toán, Văn, Anh |
| 9 | 8E | Đ/c Trường | HSG Anh 9 | Toán, Văn, Anh |
| 10 | 7A | Đ/c Hằng | HSG Sử 9 | Toán, Văn, Anh |
| 11 | 7B | Đ/c T.Mai | HSG GDCD 9 | Toán, Văn, Anh |
| 12 | 7C | Đ/c Thảo | HSG Toán 7 | Toán, Văn, Anh |
| 13 | 7D | Đ/c Duyên | HSG Ngữ văn 7 | Toán, Văn, Anh |
| 14 | 7E | Đ/c Quý | HSG Anh 7 | Toán, Văn, Anh |
| 15 | 6A | Đ/c Tuế | HSG Toán 6 | Toán, Văn, Anh |
| 16 | 6B | Đ/c Huệ | HSG Địa 9 | Toán, Văn, Anh |
| 17 | 6C | Đ/c Oanh | HSG Sinh 9 | Toán, Văn, Anh |
| 18 | 6D | Đ/c Biển | HSG Anh 6 | Toán, Văn, Anh |
| 19 | 6E | Đ/c Tình | HSG Ngữ văn 6 | Toán, Văn, Anh |
| 20 | Nhạc | Đ/c Phương | HSG Vật Lý 9 |  |
| 21 | Tin 1 | Đ/c Trí Thanh | HSG Tin học |  |
| 22 | TH Hóa | Đ/c Liên | HSG Hóa 9 |  |
| 23 | TH Sinh | Đ/c Hưng | HSG Công nghệ 9 |  |
| 24 | TH Lý | Đ/c Hương |  |  |
| 25 | Tin 2 | Đ/c Hòa | Violympic |  |
| 26 | Thư viện | Đ/c Oanh |  |  |
|  Vào từng thời điểm cụ thể, giáo viên có thể bố trí phòng học hợp lý. Đề nghị toàn thể Hội đồng có trách nhiệm chung với tài sản của từng lớp, của trường: Không tự ý di chuyển tài sản trong phòng; giữ vệ sinh chung; không viết, vẽ bậy,... và phải kiểm tra vệ sinh, tắt điện, đóng cửa trước khi về. |

 **HIỆU TRƯỞNG**

**MỘT SỐ LƯU Ý**

1. Thường xuyên cập nhật Hồ sơ chuyên môn theo qui định.

2. Kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn

3. Ma trận, đặc tả, đề và biểu điểm KTĐG định kỳ.

4. Biên bản sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm.

5. Biên bản xây dựng khung chương trình nhà trường.

6. Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn của Tổ/nhóm.

7. Biên bản SHCM về giáo dục STEM (2 lần/kỳ).

8. Bài học STEM *(theo Cv 2770, ngày 31/8/2023 của Sở GD&ĐT)* trong trương trình và ngoài chương trình (bắt buộc đối với các môn thuộc Tổ KHTN và khuyến khích đối với các môn thuộc tổ KHXH).

9. Hoàn thiện Sáng kiến, nộp cho đ/c PHT trước ngày 01/02/2024.

10. In tài liệu GDĐP cho HS trước tiết học.

11. Gom và lưu công văn hướng dẫn, chỉ đạo.

12. Soạn các nội dung lồng ghép: Lịch sử, Địa lí, GD bảo vệ môi trường,... trong bài học.

13. Soạn, nộp, cập nhật bài dạy; duyệt KH bài dạy/giáo án trên CSDL.

14. Tổ chuyên môn kiểm tra giáo viên.

15. Các môn dạy thêm kiểm tra lại Kế hoạch (ghi cụ thể nội dung từng tiết. VD: Ôn tập nội dung gì?).

16. Học trực tuyến (lớp bị lệch tiết).

17. Kế hoạch giáo dục STEM.

18. Phân công nhóm trưởng, duyệt KH bài dạy.

19. Phân công vào điểm CSDL.

20. Người gửi giáo án (đối với môn nhiều người dạy)